



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM 2026

THÁNG 04 NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số TM	31/03/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.374.405.323.592	1.343.863.478.156
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	54.192.535.965	175.454.295.421
1. Tiền	111 V.1	54.192.535.965	175.454.295.421
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	201.208.545.491	218.868.022.114
1. Chứng khoán kinh doanh	121 V.2a	-	40.007.603.253
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123 V.2b	201.208.545.491	178.860.418.861
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	599.210.391.770	499.054.491.300
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131 V.3	429.355.370.124	475.131.036.411
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132 V.4	148.841.860.720	3.887.985.978
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135 V.5	21.013.160.926	20.035.468.911
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	485.904.082.593	427.571.820.786
1. Hàng tồn kho	141 V.6	485.904.082.593	427.571.820.786
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150	-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160	33.889.767.773	22.914.848.535
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161 V.10a	11.834.984.441	5.515.418.256
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	22.054.743.266	17.399.430.279
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	40.066	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số TM	31/03/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	275.235.662.571	265.174.758.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	243.769.154.450	250.891.128.475
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.8	185.662.825.864	191.472.555.758
- Nguyên giá	222	299.961.883.334	299.571.112.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(114.299.057.470)	(108.098.557.184)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227 V.9	58.106.328.586	59.418.572.717
- Nguyên giá	228	71.497.324.448	71.497.324.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(13.390.995.862)	(12.078.751.731)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230	-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	19.207.578.912	1.220.400.304
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252 V.7	19.207.578.912	1.220.400.304
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270	12.258.929.209	13.063.230.196
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271 V.10b	12.258.929.209	13.063.230.196
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274	-	-
5. Lợi thế thương mại	279	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.649.640.986.163	1.609.038.237.131

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số TM	31/03/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	707.537.994.482	675.449.420.831
I. Nợ ngắn hạn	310	707.537.994.482	675.449.420.831
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.11	69.998.153.874	50.573.645.831
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.12	7.699.094.852	5.315.427.084
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314 V.13	2.089.480.963	7.253.704.861
5. Phải trả người lao động	315	3.490.389.624	5.117.276.897
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316 V.14	4.783.409.912	3.183.961.239
7. Phải trả ngắn hạn khác	320 V.15	300.089.990	246.332.210
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321 V.16	619.177.375.267	603.759.072.709
II. Nợ dài hạn	330	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	942.102.991.681	933.588.816.300
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.17	942.102.991.681	933.588.816.300
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	650.000.000.000	650.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	650.000.000.000	650.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn	412	149.620.950.000	149.620.950.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	140.886.489.145	132.373.530.506
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	132.373.530.506	87.441.825.237
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	8.512.958.639	44.931.705.269
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.595.552.536	1.594.335.794
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.649.640.986.163	1.609.038.237.131

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Quỳnh Trang

Phạm Thị Trang

Trương Đức Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Mẫu số B 02 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	802.200.104.425	733.293.559.898	802.200.104.425	733.293.559.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.486.879.505	1.209.506.679	9.486.879.505	1.209.506.679
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	792.713.224.920	732.084.053.219	792.713.224.920	732.084.053.219
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	747.827.516.620	699.248.432.195	747.827.516.620	699.248.432.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.885.708.300	32.835.621.024	44.885.708.300	32.835.621.024
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	2.726.147.949	1.951.777.086	2.726.147.949	1.951.777.086
8. Chi phí tài chính	23	VI.6	8.578.345.907	10.462.813.329	8.578.345.907	10.462.813.329
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		7.965.097.244	10.019.687.559	7.965.097.244	10.019.687.559
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	20.440.901.813	10.034.968.722	20.440.901.813	10.034.968.722
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	8.027.371.361	7.927.511.981	8.027.371.361	7.927.511.981
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27}	30		10.565.237.168	6.362.104.078	10.565.237.168	6.362.104.078
13. Thu nhập khác	31	VI.9	124.456.438	18.554.219	124.456.438	18.554.219
14. Chi phí khác	32	VI.10	3.993.517	245.922.086	3.993.517	245.922.086
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		120.462.921	(227.367.867)	120.462.921	(227.367.867)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Mẫu số B 02 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.685.700.089	6.134.736.211	10.685.700.089	6.134.736.211
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.171.524.708	1.548.135.919	2.171.524.708	1.548.135.919
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.514.175.381	4.586.600.292	8.514.175.381	4.586.600.292
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.512.958.639	4.583.767.404	8.512.958.639	4.583.767.404
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.216.742	2.832.888	1.216.742	2.832.888
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	131	131	131	131

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Đinh Thị Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trang

Lòng Giám đốc



Trương Đức Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến ngày 31/3/2026

Mẫu số B 03 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.685.700.089	6.134.736.211
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.512.744.417	7.125.907.705
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(22.623.651)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.544.843.382)	(1.951.777.086)
- Chi phí đi vay	06	VI.6	7.965.097.244	10.019.687.559
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.596.074.717	21.328.554.389
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(104.764.593.619)	135.036.373.283
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(58.332.261.807)	(317.838.411.036)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		23.438.179.739	35.307.388.992
- Tăng (-), giảm (+) chi phí chờ phân bổ	12		(5.515.265.198)	(3.592.430.072)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		40.007.603.253	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(8.270.992.492)	(9.277.549.376)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(7.305.182.792)	(2.348.536.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(97.146.438.199)	(141.384.610.256)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(20.175.018.092)	(530.250.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		172.064.843	74.528.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40.002.953.249)	(455.721.824)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến ngày 31/3/2026

Mẫu số B 03 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		414.579.955.556	380.525.994.049
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(398.692.939.220)	(289.610.208.486)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.887.016.336	90.915.785.563
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(121.262.375.112)	(50.924.546.517)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		175.454.295.421	66.675.068.884
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		615.656	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	54.192.535.965	15.750.522.367

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Quỳnh Trang

Phạm Thị Trang

Trương Đức Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Lương thực A An được thành lập vào ngày 27/01/2021 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109510866; đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 25/12/2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07: 650.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2026: 650.000.000.000 VND.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 1900 6869

Mã số thuế : 0 1 0 9 5 1 0 8 6 6

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, Thương mại

4. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Xay xát và sản xuất bột thô
- Xuất khẩu gạo.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. Cấu trúc công ty:

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, ấp An Ninh, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ gạo và hoạt động xay xát

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng	Số 494 Ấp Tân Quới, Xã Thanh Đông, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Buôn bán thực phẩm, xay xát và sản xuất bột thô.	99%	99%
Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza	Ấp Giồng Cát, xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%

Hiện các công ty con đang hoạt động bình thường.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; lập và trình bày BCTC hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính đang có hiệu lực thi hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính đang có hiệu lực thi hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Các loại tỷ giá hối đoái và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong năm được Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá quy định trên hợp đồng mua bán ngoại tệ.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản (đối với các

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

khoản tiền gửi) hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch (đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ còn lại) công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận trực tiếp vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng tổn thất tương ứng với phần giá trị bị suy giảm.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến sản phẩm chưa hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc phân bổ các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (472 tháng).

Chi phí chờ phân bổ khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐHH) được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐHH bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để nó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này làm tăng năng lực, tăng công suất, giảm chi phí hoạt động hoặc kéo dài thời gian sử dụng cho TSCĐ. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài TSCĐHH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong năm.

TSCĐHH được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại TSCĐHH như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 40
Máy móc và Thiết bị	04 – 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình (TSCĐVH) được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐVH bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐVH tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng làm cho TSCĐVH tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;
- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với TSCĐ vô hình cụ thể gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 07/01/2061 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 55 xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; diện tích 31.868 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 450 tháng.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 02/01/2058 tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 1 xã Hội An, tỉnh An Giang; diện tích 7.672 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 412 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 48 Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N1, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội; diện tích: 2.088 m²; hình thức sử dụng: Sử dụng chung của các chủ sở hữu căn hộ chung cư, công trình xây dựng khác.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại các thửa đất số 1123, 911, 786 tại tờ bản đồ số 9, ấp Tân Quới, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

Kiểu dáng công nghiệp

Là khoản chi phí thuê ngoài thiết kế bao bì sản phẩm, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, đăng ký quyền sử dụng tài sản, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và chưa được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp theo mệnh giá cổ phiếu của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Thặng dư vốn

Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá sau khi trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty, cụ thể:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán kinh doanh;
 - Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc lãi khi đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì công ty được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Trường hợp máy móc thiết bị hoạt động dưới công suất bình thường, chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm nhập kho theo mức công suất bình thường. Phần chi phí sản xuất chung cố định bị loại trừ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; lãi vay, chi phí thuê tài sản sử dụng làm tài sản đảm bảo khoản vay; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân sự bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng...

Chi phí quản lý Công ty phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý công ty; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

- Đối với hoạt động chế biến từ lúa thành gạo thành phẩm:
 - + Tại địa bàn đặc biệt khó khăn: Miễn thuế
 - + Tại địa bàn khó khăn: 10%
 - + Các địa bàn khác: 15%
- Đối với hoạt động thương mại gạo và các hoạt động khác: 20%

21. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có khả năng được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2026	01/01/2026
Tiền	54.192.535.965	175.454.295.421
Tiền mặt	7.169.378.408	1.786.282.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.023.157.557	173.668.013.050
Cộng	54.192.535.965	175.454.295.421

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng chỉ tiền gửi (*)	-	-	40.007.603.253	40.007.603.253
Cộng	-	-	40.007.603.253	40.007.603.253

(*) Chứng khoán kinh doanh là các chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có kỳ hạn từ 08/12/2025 đến 08/06/2027, được mua ngày 09/12/2025 từ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV theo Hợp đồng mua bán số 09122025/BIDM5171.

Ngày 08/01/2026, Công ty đã bán toàn bộ các chứng chỉ tiền gửi nêu trên cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV theo Hợp đồng số 09122025/BIDB5171-1, với trị giá hợp đồng là 40.172.018.061 đồng.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	195.999.000.000	195.999.000.000	175.999.000.000	175.999.000.000
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.209.545.491	5.209.545.491	2.861.418.861	2.861.418.861
Cộng	201.208.545.491	201.208.545.491	178.860.418.861	178.860.418.861

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 9 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,2% - 7,8%/năm tại các ngân hàng:

- + Ngân hàng TMCP Quân đội: 83.450.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội: 61.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: 20.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam: 15.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN: 10.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 6.000.000.000 VND.
- + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 499.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2026	01/01/2026
AWTC GMBH	5.527.139.455	-
Công ty TNHH Hiệp Tài	12.182.130.250	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	9.932.039.839	22.734.482.099
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam	36.459.401.500	35.903.784.000
Công ty Cổ phần Gạo Vi Dân	6.486.480.000	50.618.000.000
Công ty CP Chế biến nông sản Thanh Hưng	21.960.000.000	-
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	29.481.510.645	28.247.329.530
Công ty CP Thương mại tổng hợp Wincommerce	6.499.591.029	-
Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	62.342.578.500	66.980.141.500
Công ty Cổ phần Gạo Hạnh phúc	183.962.753.750	1.017.713.750
Công ty TNHH Lương thực Thiện Đức	7.233.840.000	67.615.000.000
Các khách hàng khác	47.287.905.156	202.014.585.532
Cộng	429.355.370.124	475.131.036.411

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Công ty CP Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Gạo Việt	64.423.910.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	26.679.000.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Đông	4.122.300.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Nông Thuận Phát	5.367.600.000	835.800.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Hiệp Lợi	3.878.850.000	-
Công ty Cổ phần Lương Thực Vinarice Việt Nam	16.987.958.895	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Sơn Hòa	6.058.830.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ và Du lịch Tân Thanh	1.830.900.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Nhân	2.680.200.000	-
Hợp tác xã Dịch vụ Phú Nông Xanh	2.687.100.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Thuận - Thoại Sơn	1.442.760.000	-
Các nhà cung cấp khác	12.682.451.825	3.052.185.978
Cộng	148.841.860.720	3.887.985.978

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2026	01/01/2026
Tạm ứng cho CBCNV	551.067.247	444.576
Ký cược, ký quỹ	20.445.252.000	20.021.700.000
- Công ty Cổ Phần CBOT Việt Nam (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	444.152.000	21.000.000
- Đặt cọc thẻ gửi xe	1.100.000	700.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.841.679	13.324.335
Cộng	21.013.160.926	20.035.468.911

(*) Công ty đặt cọc cho Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam theo Hợp đồng Thuê tài sản số 2024104/HĐTVP/CB-AAN/2024 ký ngày 1/4/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 20241511/HĐTVP/CB-AAN/2024 ký ngày 15/11/2024, Phụ lục Hợp đồng số 20251512/HĐTVP/CB-AAN/2025 ký ngày 15/3/2025 và Phụ lục Hợp đồng số 20261203/HĐTVP/CB-AAN/2026 ký ngày 12/3/2026 để thuê toàn bộ mặt bằng, tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 145/18 Nguyễn Văn Hường, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh để làm tài sản đảm bảo cho việc huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà. Số tiền đặt cọc: 20.000.000.000 VND, thời hạn thuê được gia hạn đến ngày 31/3/2027.

6. Hàng tồn kho

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	138.480.997.173	-	39.387.647.273	-
Công cụ, dụng cụ	15.229.551.300	-	15.224.007.903	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.312.661.188	-	-	-
Thành phẩm	237.404.961.304	-	311.968.579.485	-
Hàng hoá	93.475.911.628	-	60.991.586.125	-
Cộng	485.904.082.593	-	427.571.820.786	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2026	01/01/2026
- Dự án nghiên cứu phát triển giống lúa mới	942.026.066	879.629.912
- Hệ thống xử lý nước thải và kho chứa hóa chất nguy hại	-	340.770.392
- Chi phí mua sắm TSCĐ và BĐS đầu tư:	18.265.552.846	-
Chi phí mua QSDĐ (diện tích 31.527,6 m ² , mục đích sử dụng đất: Đất SKC) và tài sản trên đất tại xã Vĩnh Gia, An Giang	17.507.910.184	-
Chi phí mua các tài sản khác	757.642.662	-
Cộng	19.207.578.912	1.220.400.304

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	131.277.433.053	153.493.060.387	14.429.775.056	370.844.446	299.571.112.942
<i>Mua trong năm</i>	-	50.000.000	-	-	50.000.000
<i>Đầu tư xây dựng hoàn thành</i>	340.770.392	-	-	-	340.770.392
Số dư cuối kì	131.618.203.445	153.543.060.387	14.429.775.056	370.844.446	299.961.883.334
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.441.102.888	69.103.016.102	8.366.836.928	187.601.266	108.098.557.184
<i>Khấu hao trong kì</i>	1.821.688.216	3.889.158.996	474.011.127	15.641.947	6.200.500.286
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
Số dư cuối kì	32.262.791.104	72.992.175.098	8.840.848.055	203.243.213	114.299.057.470
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	100.836.330.165	84.390.044.285	6.062.938.128	183.243.180	191.472.555.758
Số dư cuối kì	99.355.412.341	80.550.885.289	5.588.927.001	167.601.233	185.662.825.864

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Kiểu dáng công nghiệp	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	46.967.684.448	480.000.000	24.049.640.000	71.497.324.448
<i>Mua trong kì</i>	-	-	-	-
Số dư cuối kì	46.967.684.448	480.000.000	24.049.640.000	71.497.324.448
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.643.023.477	54.857.143	9.380.871.111	12.078.751.731
<i>Khấu hao trong kì</i>	270.957.941	41.142.857	1.000.143.333	1.312.244.131
Số dư cuối kì	2.913.981.418	96.000.000	10.381.014.444	13.390.995.862
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	44.324.660.971	425.142.857	14.668.768.889	59.418.572.717
Số dư cuối kì	44.053.703.030	384.000.000	13.668.625.556	58.106.328.586

10. Chi phí trả trước

	31/03/2026	01/01/2026
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	11.834.984.441	5.515.418.256
Công cụ, dụng cụ	134.465.003	212.093.874
Chi phí thuê mặt bằng	420.839.111	68.444.445
Chi phí phần mềm quản lý	2.922.563.397	939.355.064
Phí đánh giá chứng nhận tiêu chuẩn Organic	665.812.168	901.723.142
Chi phí quảng cáo	5.948.032.812	2.885.414.400
Chi phí sửa chữa tài sản	60.696.408	156.650.296
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.682.575.542	351.737.035
b. Chi phí trả trước dài hạn	12.258.929.209	13.063.230.196
Quyền sử dụng đất	6.117.694.051	6.159.311.017
Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.862.083.332	2.167.249.999
Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản	3.561.862.198	4.350.689.529
Công cụ, dụng cụ	673.556.039	296.106.884
Các chi phí trả trước dài hạn khác	43.733.589	89.872.767
Cộng	24.093.913.650	18.578.648.452

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Công ty CP Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Gạo Việt	31.177.470.000	28.465.680.185
Công ty CP Công nghệ Thông tin Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	1.207.643.904	-
Công ty Cổ phần Trung Đông	1.034.229.255	65.036.304
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại In ấn bao bì Bách Sinh - Long An	2.604.509.414	1.674.570.110
Công ty TNHH Gạo Ngọc Phú	1.052.926.610	-
Công ty TNHH Xây xát Ngọc Điệp	1.710.000.000	-
Công ty CP CBOT Việt Nam	1.944.000.000	-
Công ty TNHH TDI APJ Việt Nam	2.167.553.590	-
Công ty CP Tập đoàn Tân Long	4.283.520.000	-
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Tân Long tại Đồng Tháp	2.001.367.750	-
Công ty CP Trường Thọ Thoại Sơn	1.935.707.700	-
Công ty TNHH XNK Nông sản Hưng Thịnh AG	2.083.890.080	-
Công ty Cổ phần Lương thực Vinarice Việt Nam	-	8.390.418.917
Các nhà cung cấp khác	16.795.335.571	11.977.940.315
Cộng	69.998.153.874	50.573.645.831

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
SUREWAVE INTERNATIONAL GROUP (HONG KONG)	1.493.629.802	-
NEXT INTERNATIONAL INC	524.315.024	-
77 EMERALD INDUSTRIES INC	1.252.926.792	-
KATO CO., LTD	539.786.592	82.009.934
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	951.507.850	910.000.000
Công ty CP Tập đoàn HT HANYU	718.390.000	-
Các khách hàng khác	2.218.538.792	4.323.417.150
Cộng	7.699.094.852	5.315.427.084

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kì	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kì
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.197.275.641	2.171.524.708	7.305.182.792	2.063.617.557
Thuế thu nhập cá nhân	56.429.220	81.788.522	120.490.402	17.767.406
Các loại thuế khác	-	83.535.547	75.439.547	8.096.000
Cộng	7.253.704.861	2.336.848.777	7.501.112.741	2.089.480.963

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

- | | |
|--|--|
| - Sản phẩm cây trồng chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường và các phụ phẩm phát sinh trong quá trình sơ chế bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại | Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT |
| - Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các cá nhân, tổ chức khác và dịch vụ gia công xay xát lúa | 5% |
| - Hàng hóa, dịch vụ khác | 8%; 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với mức thuế suất áp dụng từ 0% - 20% theo từng hoạt động tại từng địa bàn.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Trích trước chi phí vận chuyển	2.434.610.886	516.098.739
Trích trước chi phí thuê tài sản, kho bãi	162.500.001	1.358.395.309
Trích trước chi phí lãi vay	677.475.802	514.657.272
Chi phí kiểm toán	-	250.000.000
Trích trước chi phí điện	1.050.563.937	118.891.717
Trích trước chi phí thuê gia công	162.000.000	-
Các khoản trích trước khác	296.259.286	425.918.202
Cộng	4.783.409.912	3.183.961.239

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	165.796.080	227.650.460
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	134.293.910	18.681.750
Cộng	300.089.990	246.332.210

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng có kỳ hạn vay từ 04 – 06 tháng, lãi suất dao động từ 5,5% - 9%/năm, chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn ngân hàng	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sở Giao Dịch	21.620.647.805	21.620.647.805	26.086.293.787	26.086.293.787
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà; trong	472.989.224.084	472.989.224.084	377.022.403.778	377.022.403.778
- <i>Nợ gốc vay</i>	473.457.937.862	473.457.937.862	377.022.403.778	377.022.403.778
- <i>Chi phí đi vay (ngoài lãi vay) chờ phân bổ</i>	(468.713.778)	(468.713.778)	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Thăng Long	5.618.844.450	5.618.844.450	7.415.884.043	7.415.884.043
Ngân hàng TMCP Quân Đội MB - CN Cần Thơ	50.420.464.500	50.420.464.500	143.620.206.241	143.620.206.241
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Sài Gòn	48.616.951.204	48.616.951.204	49.612.710.818	49.612.710.818
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	19.905.000.000	19.905.000.000	-	-
Dự nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) - CN Hàn Thuyên	6.243.224	6.243.224	1.574.042	1.574.042
Cộng	619.177.375.267	619.177.375.267	603.759.072.709	603.759.072.709

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

17. Vốn chủ sở hữu*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	-	87.441.825.237	1.587.762.059	439.029.587.296
Tăng vốn	300.000.000.000	149.620.950.000	-	-	449.620.950.000
Lợi nhuận	-	-	44.931.705.269	6.573.735	44.938.279.004
Số dư cuối năm trước	650.000.000.000	149.620.950.000	132.373.530.506	1.594.335.794	933.588.816.300
Số dư đầu năm nay	650.000.000.000	149.620.950.000	132.373.530.506	1.594.335.794	933.588.816.300
Lợi nhuận	-	-	8.512.958.639	1.216.742	8.514.175.381
Số dư cuối năm nay	650.000.000.000	149.620.950.000	140.886.489.145	1.595.552.536	942.102.991.681

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/03/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Siba Holdings	52,14%	338.928.570.000	338.928.570.000
Ông Trương Mạnh Linh	2,14%	13.928.570.000	13.928.570.000
Các cổ đông khác (tỉ lệ sở hữu dưới 5%)	45,72%	297.142.860.000	297.142.860.000
Cộng	100,00%	650.000.000.000	650.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

c) Cổ phiếu

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Số lượng cổ phiếu phát hành	65.000.000	65.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.000.000	65.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.000.000	65.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.000.000	65.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.000.000	65.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/3/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Dollar Mỹ (USD)	117.228,66	150.432,38

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/03/2026</u>		<u>01/01/2026</u>	
	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Hệ thống Siêu thị TH Mart - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại TH	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cái Gia	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Đại Thanh Hải	84.459.533	Công nợ không có khả năng thu hồi	84.459.533	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Intimex Sài Gòn	90.166.400	Công nợ không có khả năng thu hồi	90.166.400	Công nợ không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>407.873.133</u>		<u>407.873.133</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	801.715.091.125	730.937.002.578
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công xay xát lúa	449.013.300	2.356.557.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	36.000.000	-
Cộng	<u>802.200.104.425</u>	<u>733.293.559.898</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	9.010.689.411	1.008.442.456
Hàng bán bị trả lại	476.190.094	201.064.223
Cộng	9.486.879.505	1.209.506.679

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	792.228.211.620	729.727.495.899
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ gia công xây xát lúa	449.013.300	2.356.557.320
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ khác	36.000.000	-
Cộng	792.713.224.920	732.084.053.219

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, phụ phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp	747.827.516.620	699.248.432.195
Cộng	747.827.516.620	699.248.432.195

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.380.428.574	1.951.777.086
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	164.414.808	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	158.680.916	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.623.651	-
Cộng	2.726.147.949	1.951.777.086

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	7.965.097.244	10.019.687.559
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	19.493.439	1.307.589
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.437.045	-
Chi phí tài chính khác (thuê tài sản làm TSDB)	529.318.179	441.818.181
Cộng	8.578.345.907	10.462.813.329

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.896.308.033	5.751.204.760
Chi phí bao bì, dụng cụ, đồ dùng	1.594.932.627	193.705.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	179.813.528	154.877.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.202.825.238	2.773.495.631
- Chi phí vận chuyển	5.871.042.034	1.904.994.924
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.331.783.204	868.500.707
Chi phí bằng tiền khác	3.567.022.387	1.161.685.600
Cộng	20.440.901.813	10.034.968.722

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.157.558.130	4.126.504.462
Chi phí đồ dùng văn phòng	247.442.958	111.550.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.381.921.052	1.187.103.721
Thuế, phí, lệ phí	-	13.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	774.733.457	635.777.652
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.465.715.764	1.853.575.691
Cộng	8.027.371.361	7.927.511.981

9. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường vận chuyển	84.477.834	12.157.799
Xử lý công nợ	63.760	-
Tài sản thừa (tiền chênh lệch đầu cân)	6.777.625	-
Các khoản thu nhập khác	33.137.219	6.396.420
Cộng	124.456.438	18.554.219

10. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí xử lý nợ (xóa nợ)	-	90.166.400
Các khoản bị truy thu, phạt vi phạm hành chính về thuế	-	150.952.686
Các khoản chi phí khác	3.993.517	4.803.000
Cộng	3.993.517	245.922.086

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.514.175.381	4.586.600.292
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.512.958.639	4.583.767.404
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	131	131

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Công ty có cùng Chủ tịch với công ty mẹ
VIET AGRO PTE. LTD.	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty là người đại diện theo pháp luật

Chi tiết giao dịch và số dư với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu (phải trả)
1.	Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn	Cho thuê xe Thu tiền cho thuê xe	38.880.000 38.880.000	-

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026****3. Thông tin so sánh**

Do thay đổi chính sách kế toán áp dụng trong năm 2026 theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính nên số dư đầu kỳ của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính Quý I/2026 của Công ty được trình lại, chi tiết như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số dư cuối năm 2025	Số dư đầu kỳ năm 2026 (trình bày lại)	Nguyên nhân
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	175.999.000.000	178.860.418.861	Điều chỉnh phân loại phân loại lại lãi dự thu các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn từ chỉ tiêu "Phải thu khác" sang chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn".
2	Phải thu ngắn hạn khác	136	22.896.887.772	20.035.468.911	

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kì kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Đinh Thị Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trang

Tổng Giám Đốc



Trương Đức Nam

